

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 603/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Trì, ngày 10 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường trục chính nội thị xã Phú Thọ với quốc lộ 2 và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư ven đường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và các Nghị định số: 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005, số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006, số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ;

Theo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 180/SGTVT-KHKT ngày 21/3/2007, của Sở Xây dựng tại Văn bản số 32/SXD-KTGD ngày 22/01/2008, đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 125/TTr-SKH&ĐT ngày 06 tháng 3 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường trục chính nội thị xã Phú Thọ với quốc lộ 2 và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư ven đường với những nội dung cơ bản như sau:

1. Tên công trình: Đường trục chính nội thị xã Phú Thọ với quốc lộ 2 và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư ven đường.

2. Địa điểm: Thuộc xã Phú Hộ, Hà Lộc và phường Trường Thịnh thị xã Phú Thọ.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Tổng Hợp; Công ty tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng giao thông - Trường đại học giao thông vận tải Hà Nội.

4. Diện tích chiếm đất: 90,29 ha.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng đường nối thị xã Phú Thọ với quốc lộ 2 tạo điều kiện thuận lợi giao thông kết hợp xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho khu dân cư ven đường nối thị xã Phú Thọ với Quốc lộ 2, tạo ra một quỹ đất với các điều kiện hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh để tiến hành bán đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn đầu tư xây dựng dự án.

6. Qui mô và giải pháp thiết kế:

6.1. Đường nối quốc lộ 2 với thị xã Phú Thọ:

Công trình thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính cấp II và đường giao thông có cấp tương đương. Chiều dài 5915m; tải trọng thiết kế H30-XB80, mô đun đàn hồi 155/Mpa/cm²; điểm đầu giao với đường Tân Trung thị xã Phú Thọ, điểm cuối giao với quốc lộ tại Km82 + 145.

Cắt ngang gồm hai loại mặt cắt: Đoạn Km0+00 - Km0+740 $B_{nền} = 20,5m$ ($B_{mặt} = 10,5m$; $B_{hè} = 2x5m$); đoạn Km0+740 - Km5+915 $B_{nền} = 35m$ ($B_{mặt} = 2x10,5m$; $B_{hè} = 2x5m$, dải phân cách 3m);

Nền đường: Mái ta luy nền đào 1:1, nền đắp 1:1,5, độ chặt nền đắp $K \geq 0,95$, lớp trên cùng giáp đáy áo đường dày 30cm $K \geq 0,98$.

Kết cấu mặt đường cấp phối đá dăm loại II dày 35cm, cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, dính bám 1kg/m², bê tông nhựa hạt thô dày 7cm, dính bám 0,8kg/m², bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm.

Hệ thống thoát nước dọc xây đá hộc đập đan bê tông cốt thép, phía trái tuyến kết hợp hào kỹ thuật rộng 1,6m sâu trung bình 2,5m.

Hệ thống cống ngang thiết kế cống có đường kính $\geq 100cm$ hoặc cống bản có tiết diện tương đương.

Trên tuyến thiết kế 3 cầu: Cầu Nhà Dòng cầu bản mô nhẹ BTCT bản dài 6m; Cầu Ngòi cái dầm bê tông cốt thép dự ứng lực nhịp dài 20m; Cầu Bạch Thủy dầm bản chiều dài bản 9m.

Hệ thống phòng hộ, biển báo, an toàn giao thông theo quy định.

(Chi tiết theo Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

6.2. Hạ tầng kỹ thuật ven đường nối quốc lộ 2 với thị xã Phú Thọ.

a) San nền:

Tổng diện tích san nền 649.728m², gồm 02 khu là khu 1 và khu 2 trong đó khu 1 có diện tích là 333.333m²; khu 2 có diện tích 316.380m².

Hướng dốc san nền:

+ Khu 1: San nền về một phía độ dốc san nền trung bình 0,06-0,1% hướng dốc theo hướng Đông Bắc - Tây Nam; Cao độ san nền cao nhất +27,6m; cao độ thấp nhất + 18,1m.

+ Khu 2: San nền theo kiểu mâm xôi tại mỗi lô đất dốc về bốn phía đổ ra đường giao thông, cao độ san nền 0,05 - 0,1%; cao độ san nền cao nhất + 18,3m; cao độ san nền thấp nhất + 18,0m.

Trước khi thi công san nền phải đào bỏ lớp bùn, hữu cơ phủ bề mặt dày trung bình 0,5cm sau mới được thi công; phần diện tích đào phải dọn dẹp gốc cây mới được phép thi công nền đào;

Đắp nền bằng đất cấp 3 độ chặt $K = 0,9$; đất đắp tận dụng từ đào san nền khối lượng thiếu khai thác tại Cụm công nghiệp Phú Hà vận chuyển trung bình 2Km về để đắp nền.

+ Độ dốc taluy nền đào 1:1; Taluy nền đắp 1: 1,5, những vị trí có taluy nền đào > 6m ổn định mái dốc bằng biện pháp giằng cáp, đỉnh mái taluy bố trí rãnh đỉnh.

+ Các taluy nền đắp được gia cố chống xói bằng phương án kè mái đá hộc, trồng cỏ lá tre.

b) Hệ thống giao thông nội bộ:

Loại đường nội bộ, cấp đường đô thị là đường khu nhà ở, tốc độ thiết kế 30km/h.

Hệ thống giao thông gồm 30 tuyến, tổng chiều dài là 10.862,95m gồm các tuyến trục đường chính và trục đường phụ cụ thể như sau:

* Tuyến trục đường chính: Tuyến số 26 có chiều dài 184,71m; bề rộng nền đường 35,0m, mặt đường + rãnh đan rộng 20,5m, hè đường $7,25m \times 2 = 14,5m$.

* Tuyến trục đường phụ gồm:

+ Các tuyến đường số: 1, 2, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 28, 29, 30, có tổng chiều dài 7683,34m; bề rộng nền đường 12,5m mặt đường + rãnh đan rộng 5,5m, hè đường $3,5m \times 2 = 7m$, gồm các tuyến

+ Các tuyến đường số: 4, 5, 8, 13 có tổng chiều dài 1936,02m; bề rộng nền đường 21,5m, mặt đường + rãnh đan rộng 11,25m, hè đường $5,0m \times 2 = 10m$.

+ Tuyến đường số 6, có tổng chiều dài 340m; bề rộng nền 17,5m, mặt đường + rãnh đan rộng 7,5m, hè đường $5,0m \times 2 = 10m$.

+ Tuyến số 3 có chiều dài 207,96m; bề rộng nền đường 15,5m, mặt đường + rãnh đan rộng 5,5m, hè đường $5,0m \times 2 = 10m$.

+ Tuyến số 24 có chiều dài 183,29m; bề rộng nền đường 18,0m, mặt đường + rãnh đan rộng 9,0m, hè đường $4,5m \times 2 = 9m$.

+ Tuyến số 25 có chiều dài 145,47m; bề rộng nền đường 21,0m, mặt đường + rãnh đan rộng 12,0m, hè đường $4,5m \times 2 = 9m$.

+ Tuyến số 27 có chiều dài 195,36m; bề rộng nền đường 12,5m, mặt đường + rãnh đan rộng 5,5m, hè đường $3,5m \times 2 = 7,0m$.

+ Cao độ thiết kế theo cao độ khống chế tại các nút giao; bán kính đường cong nằm $R_{\min} = 125m$; bán kính bó vỉa tại các nút giao giữa trục đường chính với trục đường phụ là $R = 12m$; bán kính bó vỉa tại các nút giao giữa các trục phụ là $R = 9m$.

* Nền đường: Nền đường đắp bằng đất đồi lấy từ nền đào, đầm nén đến độ chặt $K \geq 95$. Lớp phía trên sát móng kết cấu áo đường, dày 30cm được đầm nén đạt độ chặt $K \geq 98$.

Độ dốc ta luy nền đào 1:1; ta luy nền đắp 1:1,5, gia cố chống xói bằng phương án kê mái đá hộc đối với đoạn qua kênh, trồng cỏ lá tre; những vị trí có ta luy nền đào > 6m ổn định mái dốc bằng biện pháp giạt cấp, đỉnh mái ta luy bố trí rãnh đỉnh.

* Mặt đường: Độ dốc ngang mặt đường $i = 2\%$, hai bên mép đường bố trí rãnh thu nước rộng 0,3m độ dốc 20%.

Kết cấu mặt đường: Loại áo đường mềm cao cấp loại A1 $E_{\text{yêu cầu}} = 1.200 \text{ daN/m}^2$; tải trọng thiết kế: H30 - XB80, tải trọng trục đơn 10 tấn.

Loại mặt đường bê tông nhựa nóng (asphan), móng cấp phối đá dăm; chiều dày của các lớp mặt đường sẽ được quyết định trong bước thiết kế bản vẽ thi công trên cơ sở $E_{\text{yêu cầu}}$ và tải trọng thiết kế nêu trên.

* Hè phố: Mặt hè của các tuyến đường thiết kế dốc 2% về phía mặt đường, kết cấu lát hè bằng gạch Block trên lớp đệm cát vàng gia cố 8% xi măng.

* Bó vỉa: Hai bên các tuyến đường lắp đặt bó vỉa vát bằng bê tông mác 200 đúc sẵn - kích thước 23 x 26 x 100cm; sát mép bó vỉa là đan rãnh bê tông kích thước 50*30*5cm.

* Cây xanh; Được trồng hai bên hè phố khoảng cách giữa các cây là 8m, trồng các loại cây có tán để che bóng mát như: Me vàng, phượng vĩ, sưa, sấu..., ô trồng cây xây bó bằng gạch chỉ dày 22cm, kích thước ô trồng cây 1,0 x 1,0m

* Bố trí an toàn giao thông: theo quy định của điều lệ báo hiệu đường bộ 22TCN273 - 01 của Bộ Giao thông vận tải.

c) Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước được thiết kế chung bao gồm thoát nước mưa và thoát nước thải, được phân thành các lưu vực phù hợp với cao độ và hướng san nền.

Xây dựng các tuyến rãnh thoát nước dọc trên các hè phố và sau các băng nhà để thu gom nước thải sinh hoạt từ các hộ dân thải ra, nước thải sinh hoạt được thu gom theo các rãnh sau nhà sau đó đổ vào các rãnh thoát nước mưa ở hai bên vỉa hè theo độ dốc xả ra các cửa xả từ MX1 đến MX5.

Hệ thống thoát nước được thiết kế theo dạng mương xây gạch, xây đá với kích thước $B = 600$ và $B = 1000$ có đáy bản bê tông cốt thép và dạng cống tròn BTCT với đường kính từ $D = 600$ đến $D = 1500$; cao độ đỉnh hố ga và rãnh bằng cao độ vỉa hè.

Các tuyến rãnh thu gom nước thải sau nhà thiết kế rãnh B400mm, thành rãnh xây gạch chỉ vữa xi măng M75 thành dày 22cm, móng bê tông mác 150 dày 15cm trên lớp cát đệm dày 10cm. Đáy bản bê tông cốt thép mác 200 dày 8cm.

Tại các vị trí nền đào chân ta luy thiết kế rãnh hở hình thang xây đá hộc vữa xi măng M100 dày 40cm, đáy rãnh rộng B600mm, mặt rộng 1.000mm, chiều sâu trung bình 1m.

Trên hè của các tuyến đường thiết kế hệ thống thu gom nước mưa bằng cống tròn bê tông cốt thép đường kính từ 600 - 1.500mm; móng bê tông cốt thép đúc sẵn 2đế/m. Nước mưa được thu gom thông qua các cửa thu trực tiếp đổ vào hố ga; hố ga thiết kế kiểu giếng thu nước khoảng cách trung bình 40m/hố; thành hố ga xây gạch chỉ vữa M75, móng bê tông mác 150 trên lớp đệm cát dày 10cm. Đáy đan bê tông cốt thép M200 miệng thu có bố trí chắn rác bằng gang đúc kích thước 450 x 900mm.

Cửa xả gồm 02 loại đường kính 100cm và 125cm thiết kế xây đá hộc vữa xi măng mác 100, trên lớp đệm đá dăm dày 10cm; đầu cửa xả có gia cố chống xói bằng đá hộc xếp khan

d) Hệ thống cấp nước:

Nguồn nước: Nguồn nước được lấy từ tuyến ống D400 chạy dọc trên tuyến đường 35m.

Giải pháp thiết kế: Thiết kế tuyến ống đường kính từ 50 - 200mm gồm mạng lưới đường ống cấp I và mạng lưới đường ống cấp II, theo quy hoạch được duyệt và được kiểm tra tính toán đảm bảo khả năng cấp nước cho toàn khu; các tuyến ống chạy dọc hè, đối với tuyến ống cấp I chôn sâu từ 0,9 - 1m, cách chỉ giới xây dựng 0.8m, tuyến ống cấp 2 chôn sâu từ 0.3-0.5m, cách chỉ giới xây dựng 0.4m.

Hệ thống cấp nước cứu hỏa cho toàn khu dân cư được bố trí các trụ cứu hỏa tại các ngã ba, ngã tư nằm trên vỉa hè có đường kính ống dẫn nước Ø100, vị trí các trụ lấy nước chữa cháy theo tiêu chuẩn $\leq 150\text{m/trụ}$.

- Vật liệu đường ống cấp nước: Vật liệu đường ống dẫn nước ở mạng cấp 1 sử dụng DHPE với đường kính ống Ø125 - Ø200; vật liệu đường ống dẫn nước mạng cấp 2 dùng ống HDPE với đường kính ống Ø50 - Ø75.

e) Hệ thống cấp điện động lực và điện chiếu sáng đèn đường:

Nguồn điện cấp cho khu nhà ở và dịch vụ ven đường 35m là điện 35KV lấy tại trạm biến áp 110KV xã Văn Lung cấp cho Cụm công nghiệp Phú Hà và thị xã Phú Thọ.

Lưới điện trung thế: Điểm đầu được đấu từ tuyến trung thế 35KV cấp điện cho Cụm công nghiệp Phú Hà chạy dọc theo tuyến đường 35m.

Tại vị trí các cột được chọn là điểm đầu, đặt mỗi vị trí 01 bộ cầu dao cách ly rồi từ đó cấp đo điện trung thế cho các trạm biến áp thuộc dự án bằng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC 3 x 50 - 36kV.

Toàn khu đô thị đặt 12 trạm biến áp với dung lượng từ 180kVA, 320kVA, 400kVA, 750kVA và 1000kVA. Cấp điện áp sử dụng 35(22)/0.4kV.

Với các trạm biến áp có dung lượng nhỏ hơn 400kVA, ta sử dụng kiểu trạm biến áp treo và với những trạm biến áp có công suất lớn hơn 400KVA sử dụng trạm biến áp xây (kiểu kín).

Toàn bộ hệ thống cáp ngầm trung thế 36KV trong khu đô thị sẽ sử dụng loại cáp có đặc tính chắm thâm dọc theo quy định của Điện lực. Cáp ngầm được chôn ngầm trong đất.

Lưới điện hạ thế: Sau Trạm biến áp sử dụng mạng hình tia, cáp ngầm được luồn trong ống nhựa xoắn chịu áp lực cao đi ngầm đất. Các tủ hạ thế được đặt cách mép bó vỉa từ 0.6 - 0.8m. Mỗi tủ điện hạ thế cấp điện cho 4 đến 6 căn hộ. Chỉ tiêu mỗi hộ tiêu thụ đặt 01 Aptomat 1P - 50A cho nhà liền kề và 01 Aptomat 1P - 63A cho hộ biệt thự.

Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn chịu áp lực cao đi ngầm đất ở độ sâu 0,7 đến 1m, phía dưới được lót 01 lớp cát đen dày 0,15m phía trên được rải 01 lớp cát đen mịn dày 0,15m, tiếp đó rải một lớp đất mịn dày 0,3m rồi tới lớp tưới Nilon bảo hiệu cáp dọc theo chiều dài tuyến cáp. Trên cùng là lớp hè đường.

Tiếp đất an toàn điện cho các tủ điện mỗi vị trí này được đóng 08 cọc tiếp địa bằng thép góc L65x65x6 dài 2,5m, đóng sâu dưới mặt đất tự nhiên 0,7 mét, dây tiếp đất dùng loại dẹt 30x4. Sau khi thi công nếu điện trở tiếp đất đo được không đảm bảo trị số $R_{nd} < 4$ ôhm cần phải báo cho đơn vị thiết kế để có biện pháp xử lý.

Điện chiếu sáng:

Đèn chiếu sáng đường phố được sử dụng loại đèn cao áp thủy ngân loại 205W - 220V, khoảng cách giữa các cột đèn từ 35 - 45m; cấp cho hệ thống chiếu sáng này dùng cáp ruột đồng (4x16)mm loại XLPE/PVC trong ống nhựa xoắn ngầm đất ở độ sâu 0,8m cách bó vỉa 0,8m.

Cột đèn dùng cột thép mạ kẽm nhúng nóng (loại cột liền cần); móng cột bê tông đá (4 x 6) mác 150; mỗi cột có cọc nối đất tiếp địa toàn dùng cọc thép 63 x 63 x 6 dài 2,5m chôn sâu 0,7m đảm bảo được $R_{nd} \leq 30\Omega$.

Chi tiết như trong dự án đầu tư xây dựng công trình đã được các cơ quan có liên quan thẩm định.

7. Tổng mức đầu tư của dự án: 419.533.841.254,0 đồng

(Bốn trăm mười chín tỷ, năm trăm ba mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi tư)

Trong đó:

| | |
|------------------------------------|------------------------|
| + Xây lắp: | 279.369.842.471,0 đồng |
| + Thiết bị: | 21.675.232.000,0 đồng |
| + Bồi thường, giải phóng mặt bằng: | 42.281.564.496,0 đồng |
| + Chi phí khác: | 31.954.608.036,0 đồng |
| + Dự phòng: | 44.252.594.251,0 đồng |

8. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn khác.

Điều 2. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư: UBND thị xã Phú Thọ
2. Hình thức thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện dự án.
3. Thiết kế, thi công: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải; Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ; UBND thị xã Phú Thọ; các ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đặng Đình Vượng